

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HC-PT

Ngày: 16 - 02 - 2023

V/v “Kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Lê Tự

ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành
chính thụ lý số 235/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “Kiện quyết
định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm
2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử phúc thẩm số 531/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các
đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. bà Dương Thị T, sinh năm 1952; địa chỉ: hẻm 151/18 đường L, phường
T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt

1.2. bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1936; địa chỉ: 13 Đường N1, phường T1, thành
phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt

1.3. ông Đoàn Đình N, sinh năm 1966; địa chỉ: 07 Đường N1, phường T1,
thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

1.4. bà Trần Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: 17 Đường N1, phường T1, thành
phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện bà Dương Thị
T, bà Đoàn Thị Đ, bà Trần Thị H và ông Đoàn Đình N: ông Đinh Xuân T2 - Văn

phòng Luật sư A, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 278A đường L1, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: 01 đường L2, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại Th, chức vụ - Phó chủ tịch UBND thành phố B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Văn Th1, chức vụ - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện:

1.1. bà Dương Thị T trình bày:

Gia đình tôi đang sử dụng thửa đất số 264, tờ bản đồ 33, với diện tích 234,9m² đất trồng cây hàng năm, có vị trí như sau:

- phía Bắc giáp đường N1 quy hoạch 20m.
- phía Tây giáp đất ông Đoàn Đình N.
- phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm của hộ ông Lê Văn H2 (đã được bồi thường về đất nông nghiệp).
- phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm của bà Đoàn Thị Đ.

Đất của tôi có nguồn gốc từ bố mẹ tôi là ông Dương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Th khai hoang và sử dụng từ năm 1954. Năm 1990 ông Dương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Th tặng cho tôi sử dụng. Hiện tại tôi đang sử dụng ổn định, không tranh chấp nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) phường T1, người làm chứng xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất tại đơn trình bày về nguồn gốc đất đai, thời điểm sử dụng đất ngày 08/5/2020.

Ngày 09/11/2020 tôi nhận được Phương án công khai bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố lập. Trong đó Phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tôi thửa đất số 264, tờ bản đồ 33 với số tiền là 305.426.376 đồng. Nhưng đến nay UBND thành phố chỉ hỗ trợ đất trồng cây lâu năm và cây cối trên đất với số tiền 18.324.880 đồng.

Sau khi tôi nhận được Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tôi mới được biết UBND phường T1 xác định nguồn gốc sử dụng đất của tôi là: “Đất do UBND phường T1 tiếp quản lại của Trường tiểu học NVT, chưa bố trí sử dụng, sau đó các hộ lấn chiếm sử dụng trồng cây hàng năm, đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi lại chung cho các hộ”, nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Việc xác minh nguồn gốc đất như trên là không đúng sự thật, thiếu căn cứ, vô trách

nhiệm của cơ quan thực thi nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của tôi khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, bởi các lý do sau:

Hiện tại thửa đất tôi đang quản lý, sử dụng để trồng cây hàng năm ổn định từ hàng chục năm nay, không ai tranh chấp, không lấn chiếm. Trong suốt thời gian dài sử dụng đất không bị chính quyền địa phương nhắc nhở, ngăn chặn và bị xử lý hành vi vi phạm hành chính. Gia đình tôi và bản thân tôi đã canh tác trên thửa đất này trước năm giải phóng 1975, khi chưa thành lập Trường tiểu học NVT, nhưng đến nay Nhà nước thu hồi đất lại xác định tôi lấn chiếm sử dụng.

Trước khi Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi bàn giao cho UBND phường T1 tiếp quản có thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, lập danh sách các hộ đang ở và sử dụng đất của trường. Các hộ dân sử dụng đất trong khu vực Trường tiểu học NVT qua các thời kỳ đều có giấy tờ cho mượn hoặc cho thuê đất được UBND phường T1 xác nhận (cụ thể gia đình ông Nguyễn Đức H3 là đất mượn của trường học; ông Đoàn Xuân Phong H4 đồng sử dụng đất sau khi UBND phường T1 tiếp quản đất của trường học ... đều được UBND phường T1 xác nhận bằng giấy tờ).

Ngày 23/11/2020 UBND phường T1 đề nghị tạm dừng phê duyệt phương án bồi thường thửa đất của tôi để xác định lại ranh giới thửa đất của tôi với đất Trường tiểu học NVT tại Báo cáo số 216/BC-UBND. Đến ngày 19/01/2021 UBND phường tổ chức họp để xác định ranh giới đất Trường tiểu học NVT. Qua đó Phòng giáo dục thành phố B và đại diện người dân đã sống lâu năm tại địa phương xác nhận các thửa đất 133, 264, 265, 266, tờ bản đồ số 33 không thuộc đất của trường học. Tôi không hiểu căn cứ vào đâu và lý do gì UBND phường T1 xác định thửa đất tôi đang sử dụng thuộc đất Trường tiểu học NVT.

Hiện tại đường N1 rộng 8m nhưng khi đo đạc phục vụ công tác bồi thường đã trừ phần diện tích quy hoạch là 20m. Diện tích đất tôi đang sử dụng có chiều rộng mặt đường N1 là 11,3m, chiều sâu từ chỉ giới quy hoạch vào là 22m. Toàn bộ diện tích đất hiện đang trồng chuối, không có diện tích nào đổ mùn cưa và rác thải như trong nội dung Biên bản xác minh nguồn gốc đất của UBND phường T1 xác định (diện tích đất đổ mùn cưa, rác thải nằm trong phần diện tích hành lang đường phía trước lô đất của ông Đoàn Đình N).

Thửa đất này đã được đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính năm 1997, hiện trạng trồng cây cà phê, trên bản đồ cũng như trên thực địa không thể hiện đường đi, lối mòn cho đến nay.

Ngày 16/3/2022 tôi có nhận được Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, thành phố B (Đợt 36), cụ thể: chỉ giải quyết hỗ trợ cho tôi số

tiền 18.324.880 đồng mà không giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho tôi số tiền là 305.426.376 đồng.

Từ những lý do nêu trên, tôi yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết đối với người bị kiện như sau: tuyên hủy một phần của Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc “Không giải quyết bồi thường về đất đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 33, diện tích là 234,9m²”. Buộc UBND thành phố B thực hiện giải quyết bồi thường về đất cho tôi đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 33, diện tích là 234,9m², tổng số tiền là 305.426.376 đồng (ba trăm linh năm triệu bốn trăm hai sáu ngàn đồng chẵn).

1.2. bà Đoàn Thị Đ trình bày:

Gia đình tôi đang sử dụng thửa đất số 133, tờ bản đồ 33, với diện tích 303,9m² đất trồng cây hàng năm, có vị trí như sau:

- phía Bắc giáp đường N1 quy hoạch 20m.
- phía Tây giáp đất Bà Nguyễn Thị Tĩnh.
- phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm của hộ ông Lê Văn H2 (đã được bồi thường về đất nông nghiệp).
- phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm của bà Trần Thị H.

Đất của tôi khai hoang và sử dụng từ năm 1956 vào mục đích đất nông nghiệp từ đó cho đến nay. Hiện tại tôi đang sử dụng ổn định, không tranh chấp nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ và đã được UBND phường T1, người làm chứng xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất tại đơn trình bày về nguồn gốc đất đai, thời điểm sử dụng đất ngày 08/5/2020.

Ngày 09/11/2020 tôi nhận được Phương án công khai bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố lập. Trong đó bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tôi thửa đất số 133 tờ, bản đồ 33 với số tiền là 395.142.936 đồng. Nhưng đến nay UBND thành phố chỉ hỗ trợ đất trồng cây lâu năm và cây cối trên đất với số tiền 22.316.160 đồng.

Sau khi tôi nhận được Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tôi mới được biết UBND phường T1 xác định nguồn gốc sử dụng đất của tôi là: “Đất do UBND phường T1 tiếp quản lại của Trường tiểu học NVT, chưa bố trí sử dụng, sau đó các hộ lần chiếm sử dụng trồng cây hàng năm, đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi lại chung cho các hộ” nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Việc xác minh nguồn gốc đất như trên là không đúng sự thật, thiếu căn cứ, vô trách nhiệm của cơ quan thực thi nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của tôi khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, bởi các lý do sau:

Hiện tại thửa đất tôi đang quản lý, sử dụng để trồng cây hàng năm ổn định từ hàng chục năm nay, không ai tranh chấp, không lấn chiếm. Trong suốt thời gian dài sử dụng đất không bị chính quyền địa phương nhắc nhở, ngăn chặn và bị xử lý hành

vi phạm hành chính. Gia đình tôi và bản thân tôi đã canh tác trên thửa đất này trước năm giải phóng 1975, khi chưa thành lập Trường tiểu học NVT, nhưng đến nay Nhà nước thu hồi đất lại xác định tôi lấn chiếm sử dụng đất trường học.

Trước khi Trường tiểu học NVT bàn giao cho UBND phường T1 tiếp quản có thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, lập danh sách các hộ đang ở và sử dụng đất của trường. Các hộ dân sử dụng đất trong khu vực Trường tiểu học NVT qua các thời kỳ đều có giấy tờ cho mượn hoặc cho thuê đất được UBND phường T1 xác nhận (cụ thể gia đình ông Nguyễn Đức H3 giáp là đất mượn của trường học; ông Đoàn Xuân Phong H4 đồng sử dụng đất sau khi UBND phường T1 tiếp quản đất của trường học ... đều được UBND phường T1 xác nhận bằng giấy tờ).

Ngày 23/11/2020 UBND phường T1 đề nghị tạm dừng phê duyệt phương án bồi thường thửa đất của tôi để xác định lại ranh giới thửa đất của tôi với đất Trường tiểu học NVT tại Báo cáo số 216/BC-UBND. Đến ngày 19/01/2021 UBND phường tổ chức họp để xác định ranh giới đất Trường tiểu học NVT. Qua đó Phòng giáo dục thành phố B và đại diện người dân đã sống lâu năm tại địa phương xác nhận các thửa đất 133, 264, 265, 266, tờ bản đồ số 33 không thuộc đất của trường học. Tôi không hiểu căn cứ vào đâu và lý do gì UBND phường T1 xác định thửa đất tôi đang sử dụng thuộc đất Trường tiểu học NVT.

Hiện tại đường N1 rộng 8m nhưng khi đo đạc phục vụ công tác bồi thường đã trừ phần diện tích quy hoạch là 20m. Diện tích đất tôi đang sử dụng có chiều rộng mặt đường N1 là 10,45 m, chiều sâu từ chỉ giới quy hoạch vào là 35m. Toàn bộ diện tích đất hiện đang trồng chuối, không có diện tích nào đổ mùn cưa và rác thải như trong nội dung Biên bản xác minh nguồn gốc đất của UBND phường T1 xác định (diện tích đất đổ mùn cưa, rác thải nằm trong phần diện tích hành lang đường phía trước lô đất của ông Đoàn Đình N).

Thửa đất này đã được đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính năm 1997, hiện trạng trồng cây cà phê, trên bản đồ cũng như trên thực địa không thể hiện đường đi, lối mòn cho đến nay.

Ngày 16/3/2022 tôi có nhận được Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, thành phố B (Đợt 36), cụ thể: chỉ giải quyết hỗ trợ cho tôi số tiền 22.316.160 đồng mà không giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho tôi số tiền là 395.142.936 đồng.

Từ những lý do nêu trên, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: tuyên hủy một phần của Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc “Không giải quyết bồi thường về đất đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 33, diện tích là 303,9m²”. Buộc UBND thành phố B thực hiện giải

quyết bồi thường về đất cho tôi đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 33, diện tích là 303,9m², tổng số tiền là 395.142.936 đồng (ba trăm chín mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai ngàn đồng chẵn).

1.3. ông Đoàn Đình N trình bày:

Gia đình tôi đã và đang sử dụng thửa đất số 266, tờ bản đồ 33, diện tích là 276,6m², đất trồng cây hàng năm, có vị trí như sau:

- phía Đông giáp: đất trồng cây hàng năm của bà Dương Thị T.
- phía Tây giáp: đất ông Nguyễn Đức H3.
- phía Nam giáp: đất trồng cây hàng năm của hộ ông H3 (đã được bồi thường về đất).
- phía Bắc giáp: đường N1 quy hoạch 20m.

Thửa đất mà tôi đang sử dụng có nguồn gốc là do bố mẹ tôi là ông Đoàn Đình K1 và bà Hoàng Thị Th1 khai hoang từ năm 1954 để trồng cây hàng năm. Năm 1995 ông Đoàn Đình K1 và bà Hoàng Thị Th1 tặng cho tôi sử dụng. Hiện tại tôi đang sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, đất chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ theo quy định. Tuy nhiên đã được người làm chứng xác nhận và UBND phường T1 xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất tại đơn trình bày về nguồn gốc đất đai, thời điểm sử dụng đất ngày 08/5/2020.

Ngày 09/11/2020 tôi nhận được Phương án công khai bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố lập. Trong đó bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tôi tại thửa đất số 266, tờ bản đồ 33 với số tiền là 407.708.000 đồng. Tuy nhiên, không biết vì lý do gì mà nay UBND thành phố B lật lại hồ sơ và phê duyệt chỉ hỗ trợ đất trồng cây lâu năm và cây cối trên đất với số tiền 20.903.506 đồng, mà không bồi thường về đất và tài sản trên đất.

Sau khi tìm hiểu tôi được biết, trong Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất xác định nguồn gốc sử dụng đất của tôi là: “Đất do UBND phường T1 tiếp quản lại của Trường tiểu học NVT, chưa bố trí sử dụng, sau đó các hộ lấn chiếm sử dụng trồng cây hàng năm, đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi chung cho các hộ” nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Việc xác minh nguồn gốc đất như trên là không khách quan, thiếu căn cứ, thiếu trách nhiệm của cơ quan thực thi nhiệm vụ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Hiện tại thửa đất tôi đang quản lý, sử dụng để trồng cây hàng năm ổn định từ hàng chục năm nay, không ai tranh chấp, không lấn chiếm. Trong suốt thời gian dài sử dụng đất không bị chính quyền địa phương nhắc nhở, ngăn chặn và bị xử lý hành vi vi phạm hành chính. Gia đình tôi và bản thân tôi đã canh tác trên thửa đất này trước năm giải phóng 1975, khi chưa thành lập Trường tiểu học NVT nhưng đến nay Nhà nước thu hồi đất lại xác định tôi lấn chiếm sử dụng.

Trước khi Trường tiểu học NVT bàn giao cho UBND phường T1 tiếp quản có thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, lập danh sách các hộ đang ở và sử dụng đất của trường. Các hộ dân sử dụng đất trong khu vực Trường tiểu học NVT qua các thời kỳ đều có giấy tờ cho mượn hoặc cho thuê đất được UBND phường T1 xác nhận (cụ thể gia đình ông Nguyễn Đức H3 giáp với gia đình tôi là đất mượn của trường học; ông Đoàn Xuân Phong H4 đồng sử dụng đất sau khi UBND phường T1 tiếp quản đất của trường học ... đều được UBND phường T1 xác nhận bằng hồ sơ, giấy tờ).

Ngày 23/11/2020 UBND phường T1 đề nghị tạm dừng phê duyệt phương án bồi thường thửa đất của tôi để xác định lại ranh giới thửa đất của tôi với đất Trường tiểu học NVT tại Báo cáo số 216/BC-UBND. Đến ngày 19/01/2021 UBND phường tổ chức họp để xác định ranh giới đất Trường tiểu học NVT. Qua đó Phòng giáo dục thành phố B và đại diện người dân đã sống lâu năm tại địa phương xác nhận các thửa đất 133, 264, 265 và 266 thuộc tờ bản đồ số 33 không thuộc đất của trường học. Tôi không hiểu căn cứ vào đâu và lý do gì UBND phường T1 xác định thửa đất tôi đang sử dụng thuộc đất Trường tiểu học NVT.

Hiện trạng đường N1 rộng 8m nhưng khi đo đạc phục vụ công tác bồi thường thửa đất cho tôi đã trừ phần diện tích quy hoạch là 20m. Diện tích đất gia đình tôi đổ mùn cưa và rác thải thuộc phần diện tích quy hoạch đường. Trong khi đó thửa đất của tôi đang sử dụng có chiều rộng mặt đường N1 là 3,5m, chiều sâu từ chỉ giới quy hoạch vào là 36,7m. Thửa đất này đã được đo đạc bản đồ địa chính năm 1997, hiện trạng trồng cây cà phê, trên bản đồ cũng như trên thực địa không thể hiện đường đi, lối mòn cho đến nay.

Ngày 16/3/2022 tôi có nhận được Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, thành phố B (Đợt 36), cụ thể: chỉ giải quyết hỗ trợ cho tôi số tiền 20.903.506 đồng mà không giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho tôi số tiền là 407.708.000 đồng.

Từ những lý do nêu trên, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: tuyên hủy một phần của Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc “Không giải quyết bồi thường về đất đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 33, diện tích là 276,6 m²”. Buộc UBND thành phố B thực hiện giải quyết bồi thường về đất cho tôi đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 33, diện tích là 276,6m², tổng số tiền là 407.708.000 đồng (bốn trăm linh bảy triệu bảy trăm linh tám ngàn đồng chẵn).

1.4. bà Trần Thị H trình bày:

Gia đình tôi đang sử dụng thửa đất số 265, tờ bản đồ 33 với diện tích 221,5m² đất trồng cây hàng năm, có vị trí như sau:

- phía Bắc giáp đường N1 quy hoạch 20m.
- phía Tây giáp đất Bà Nguyễn Thị Tĩnh.
- phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm của hộ ông Lê Văn H2 (đã được bồi thường về đất nông nghiệp).
- phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm của bà Trần Thị H.

Đất của tôi có nguồn gốc từ bố mẹ tôi là ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Th2 khai hoang và sử dụng từ năm 1954. Năm 1982 ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Th2 tặng cho vợ chồng tôi sử dụng. Hiện tại tôi đang sử dụng ổn định, không tranh chấp nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ và đã được UBND phường T1, người làm chứng xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất tại đơn trình bày về nguồn gốc đất đai, thời điểm sử dụng đất ngày 08/5/2020.

Ngày 09/11/2020 tôi nhận được Phương án công khai bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố lập. Trong đó bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tôi thửa đất số 133, tờ bản đồ 33 với số tiền là 336.538.810 đồng. Nhưng đến nay UBND thành phố chỉ hỗ trợ đất trồng cây lâu năm và cây cối trên đất với số tiền 25.945.140 đồng.

Sau khi tôi nhận được Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tôi mới được biết UBND phường T1 xác định nguồn gốc sử dụng đất của tôi là: “Đất do UBND phường T1 tiếp quản lại của Trường tiểu học NVT, chưa bố trí sử dụng, sau đó các hộ lấn chiếm sử dụng trồng cây hàng năm, đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi lại chung cho các hộ” nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Việc xác minh nguồn gốc đất như trên là không đúng sự thật, thiếu căn cứ, vô trách nhiệm của cơ quan thực thi nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của tôi khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, bởi các lý do sau:

Hiện tại thửa đất tôi đang quản lý, sử dụng để trồng cây hàng năm và lâu năm ổn định từ hàng chục năm nay, không ai tranh chấp, không lấn chiếm. Trong suốt thời gian dài sử dụng đất không bị chính quyền địa phương nhắc nhở, ngăn chặn và bị xử lý hành vi vi phạm hành chính. Gia đình tôi và bản thân tôi đã canh tác trên thửa đất này trước năm giải phóng 1975, khi chưa thành lập Trường tiểu học NVT, nhưng đến nay Nhà nước thu hồi đất lại xác định tôi lấn chiếm sử dụng đất trường học.

Trước khi Trường tiểu học NVT bàn giao cho UBND phường T1 tiếp quản có thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, lập danh sách các hộ đang ở và sử dụng đất của trường. Các hộ dân sử dụng đất trong khu vực Trường tiểu học NVT qua các thời kỳ đều có giấy tờ cho mượn hoặc cho thuê đất được UBND phường T1 xác nhận (cụ thể gia đình ông Nguyễn Đức H3 giáp là đất mượn của trường học; ông Đoàn Xuân Phong H4 đồng sử dụng đất sau khi UBND phường T1 tiếp quản đất của trường học ... đều được UBND phường T1 xác nhận bằng giấy tờ).

Ngày 23/11/2020 UBND phường T1 đề nghị tạm dừng phê duyệt phương án bồi thường thửa đất của tôi để xác định lại ranh giới thửa đất của tôi với đất Trường tiểu học NVT tại Báo cáo số 216/BC-UBND. Đến ngày 19/01/2021 UBND phường tổ chức họp để xác định ranh giới đất Trường tiểu học NVT. Qua đó Phòng giáo dục thành phố B và đại diện người dân đã sống lâu năm tại địa phương xác nhận các thửa đất 133, 264, 265, 266, tờ bản đồ số 33 không thuộc đất của trường học. Tôi không hiểu căn cứ vào đâu và lý do gì UBND phường T1 xác định thửa đất tôi đang sử dụng thuộc đất Trường tiểu học NVT.

Hiện tại đường N1 rộng 8m nhưng khi đo đạc phục vụ công tác bồi thường đã trừ phần diện tích quy hoạch là 20m. Diện tích đất tôi đang sử dụng có chiều rộng mặt đường N1 là 13,5 m, chiều sâu từ chỉ giới quy hoạch vào là 14,4 m. Toàn bộ diện tích đất hiện đang trồng chuối, lá dong, măng cầu, sầu riêng, không có diện tích nào đổ mùn cưa và rác thải như trong nội dung Biên bản xác minh nguồn gốc đất của UBND phường T1 xác định (diện tích đất đổ mùn cưa, rác thải nằm trong phần diện tích hành lang đường phía trước lô đất của ông Đoàn Đình N).

Thửa đất này đã được đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính năm 1997, hiện trạng trồng cây cà phê, trên bản đồ cũng như trên thực địa không thể hiện đường đi, lối mòn cho đến nay.

Ngày 16/3/2022 tôi có nhận được Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, thành phố B (Đợt 36), cụ thể: chỉ giải quyết hỗ trợ cho tôi số tiền 25.945.140 đồng mà không giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho tôi số tiền là 336.538.810 đồng.

Từ những lý do nêu trên, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: tuyên hủy một phần của Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thành phố B về việc “Không giải quyết bồi thường về đất đối với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 33, diện tích là 221,5m²”. Buộc UBND thành phố B thực hiện giải quyết bồi thường về đất cho tôi đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 33, diện tích là 221,5m², tổng số tiền là 336.538.810 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi tám ngàn đồng chẵn).

2. Tại bản tự khai và trình bày của người bị kiện thể hiện:

Đối với đơn khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H, UBND thành phố B có ý kiến như sau:

Căn cứ điều 12 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định quy chế phối hợp của các cơ quan đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế

thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 11/5/2021 UBND phường T1 tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc sử dụng đất của 04 hộ: bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H:

- Nguồn gốc đất của bà Dương Thị T: UBND phường T1 tiếp quản và quản lý phần diện tích đất triển dọc giáp đường của Trường tiểu học NVT (trước đây Nhà nước giao cho trường sử dụng), sau đó các hộ dân tự ý lấn chiếm để đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi chung của các hộ để đi xuống khu vực làm vườn bên kia suối. Hiện tại bà Dương Thị T đang sử dụng để trồng cây hàng năm.

- Nguồn gốc đất của hộ bà Đoàn Thị Đ: UBND phường T1 tiếp quản và quản lý phần diện tích đất triển dọc giáp đường của Trường tiểu học NVT (trước đây Nhà nước giao cho trường sử dụng), sau đó các hộ dân tự ý lấn chiếm để đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi chung của các hộ để đi xuống khu vực làm vườn bên kia suối. Hiện tại bà Đoàn Thị Đ đang sử dụng để trồng cây hàng năm.

- Nguồn gốc đất của hộ ông Đoàn Đình N: UBND phường T1 tiếp quản và quản lý phần diện tích đất triển dọc giáp đường của Trường tiểu học NVT (trước đây Nhà nước giao cho trường sử dụng), sau đó các hộ dân tự ý lấn chiếm để đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi chung của các hộ để đi xuống khu vực làm vườn bên kia suối. Hiện tại ông Đoàn Đình N đang sử dụng để trồng cây hàng năm.

- Nguồn gốc đất của hộ bà Trần Thị H: UBND phường T1 tiếp quản và quản lý phần diện tích đất triển dọc giáp đường của Trường tiểu học NVT (trước đây Nhà nước giao cho trường sử dụng), sau đó các hộ dân tự ý lấn chiếm để đổ mùn cưa, đổ rác và làm lối đi chung của các hộ để đi xuống khu vực làm vườn bên kia suối. Hiện tại bà Trần Thị H đang sử dụng để trồng cây hàng năm.

Ngày 29/12/2021 phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 04 hộ dân do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố lập phương án. Ngày 14/3/2022 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1580/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 04 hộ: bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ Thủy Lợi E (Đợt 36).

Theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 1580/QĐ-UBND của UBND thành phố B, đất của 04 hộ dân trên có nguồn gốc được Nhà nước giao để quản lý nên không được bồi thường (căn cứ theo khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 về các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất).

Hỗ trợ khác: căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Từ những phân tích trên, UBND thành phố B đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng Điều 77 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H.

Hủy một phần Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E thành phố B đối với: Thửa đất số 264, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của bà Dương Thị T; Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của bà Đoàn Thị Đ; Thửa đất số 266, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của ông Đoàn Đình N và Thửa đất số 266, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của bà Trần Thị H. Buộc UBND thành phố B lập phương án bồi thường đối với: Diện tích 234,9m² đất của bà Dương Thị T; diện tích 303,9m² của hộ bà Đoàn Thị Đ; diện tích 276,6m² đất của ông Đoàn Đình N và diện tích 221,5m² đất của bà Trần Thị H theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng.

Ngày 30/10/2022 Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Tại văn bản số 367/UBND-VP ngày 08/02/2023 của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày với nội dung: đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H là

có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm người kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B với nội dung: kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/3/2022 UBND thành phố B ban hành các Quyết định thu hồi đất số 1577/QĐ-UBND, số 1576/QĐ-UBND, số 1578/QĐ-UBND, số 1579/QĐ-UBND về việc thu hồi đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của các hộ bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N, bà Trần Thị H. Ngày 14/3/2022 Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1580/QĐ-UBND (Quyết định số 1580/QĐ-UBND) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, thành phố B (Đợt 36) có liên quan đến các hộ bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N, bà Trần Thị H. Không đồng ý với Quyết định số 1580/QĐ-UBND, bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: hủy một phần Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B lập phương án bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Như vậy các quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, là đối tượng khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Xét kháng cáo của UBND thành phố B:

Hộ bà Dương Thị T quản lý, sử dụng 234,9m² đất tại thửa số 264, tờ bản đồ số 33; hộ bà Đoàn Thị Đ quản lý, sử dụng 303,9m² đất tại thửa số 133, tờ bản đồ số 33; hộ ông Đoàn Đình N quản lý, sử dụng 276,6m² đất tại thửa số 266, tờ bản đồ số 33; hộ bà Trần Thị H quản lý, sử dụng 221,5m² đất tại thửa số 265, tờ bản đồ số 33. Tất cả các diện tích đất nêu trên đều tọa lạc tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk

Lắc.

[3.1] Xét nguồn gốc các diện tích đất nêu trên:

[3.1.1]. Tại các Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 19 và 30 tháng 11 năm 2021 do UBND phường T1 lập xác định: diện tích đất của bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N, bà Trần Thị H có nguồn gốc đất của Nhà nước chưa bố trí sử dụng. Các hộ lấn chiếm để đổ mùn cưa, rác làm lối đi chung của các hộ xuống khu vực làm vườn bên kia suối từ năm 1996, 1997 (đất có nguồn gốc do UBND phường T1 tiếp quản lại của Trường tiểu học NVT, chưa bố trí sử dụng). Hiện tại bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N, bà Trần Thị H đang sử dụng để trồng cây hàng năm khác (bút lục số 147, 155, 161, 168).

[3.1.2]. Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 18/5/2020 do UBND phường T1 lập xác định (bút lục số 205, 209, 213, 224):

Năm 1954 ông Dương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Th khai hoang lô đất và sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm. Năm 1990 ông Dương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Th tặng cho con gái là bà Dương Thị T bằng miệng, không viết giấy tờ cho, tặng. Hiện tại bà T đang sử dụng ổn định, không tranh chấp và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1954 ông Đoàn Đình K1 và bà Hoàng Thị Th1 khai hoang lô đất và sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm. Năm 1995 ông Đoàn Đình K1 và bà Hoàng Thị Th1 cho con trai là ông Đoàn Đình N bằng miệng, không viết giấy tờ cho, tặng. Hiện tại hộ gia đình ông N đang sử dụng ổn định, không tranh chấp và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1954 ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Th2 khai hoang lô đất và sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm. Năm 1982 ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Th2 cho ông Nguyễn Văn Đắc và bà Trần Thị H bằng miệng, không viết giấy tờ cho, tặng. Hiện tại hộ gia đình bà H đang sử dụng ổn định, không tranh chấp và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1956 gia đình bà Đoàn Thị Đ khai hoang lô đất và sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm. Hiện tại hộ gia đình bà Đ đang sử dụng ổn định, không tranh chấp và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.1.3]. So sánh về thời điểm và nội dung tại các Biên bản được nêu tại tiêu mục [3.1.1]. và [3.1.2]. thấy rằng: về nội dung là có mâu thuẫn nhau. Về thời điểm thì Biên bản xác minh ngày 18/5/2020 có trước, còn Biên bản xác minh ngày 19 và 30 tháng 11 năm 2021 có sau và có mâu thuẫn về nội dung, UBND phường T1 không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự mâu thuẫn này.

[3.2]. Thực tế sử dụng: diện tích đất tại các thửa đất nêu trên do hộ gia đình bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N, bà Trần Thị H cũng như các thành viên trong gia đình quản lý, sử dụng đất ổn định, không tranh chấp từ trước đến nay

và đều trồng cây hàng năm. Trong suốt thời gian dài sử dụng đất không bị chính quyền địa phương lập Biên bản vi phạm về đất đai; cũng như không bị xử lý hành chính về vi phạm đất đai. Hơn nữa, Trường tiểu học NVT khi bàn giao đất cho UBND phường T1 tiếp quản không có Biên bản bàn giao đất ngoài thực địa.

[3.3]. Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013 quy định: “*Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được thu hồi bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này*”.

Như vậy, hộ gia đình bà Dương Thị T trực tiếp sử dụng canh tác diện tích 234,9m²; hộ gia đình bà Đoàn Thị Đ trực tiếp sử dụng canh tác diện tích 303,9m²; hộ gia đình ông Đoàn Đình N trực tiếp sử dụng canh tác diện tích 276,6m² và hộ gia đình bà Trần Thị H trực tiếp sử dụng canh tác diện tích 221,5m² đều trước ngày 01/7/2004, nên thuộc trường hợp được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là có căn cứ.

[4]. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H là có căn cứ. Do đó, bác kháng cáo của UBND thành phố B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5]. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của UBND thành phố B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Điều 77 Luật Đất đai 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Đình N và bà Trần Thị H.

Hủy một phần Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, thành phố B đối với: thửa đất số 264, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của bà Dương Thị T; thửa đất số 133, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của bà Đoàn Thị Đ; thửa đất số 266, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của ông Đoàn Đình N và thửa đất số 266, tờ bản đồ số 33 tại phường T1 của bà Trần Thị H. Buộc UBND thành phố B lập phương án bồi thường đối với: diện tích 234,9m² đất của bà Dương Thị T; diện tích 303,9m² của hộ bà Đoàn Thị Đ; diện tích 276,6m² đất của ông Đoàn Đình N và diện tích 221,5m² đất của bà Trần Thị H theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ Ủy ban nhân dân thành phố B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022457 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Cường